TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày 07-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Lâm

2. Bà Phạm Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/HSST ngày 11/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Nhựt T, sinh năm 1992 tại LA. Nơi cư trú: Ấp 5, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN; chỗ ở: Ấp 5, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th, sinh năm 1948 và bà Lê Thị M, sinh năm 1954; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 01/9/2017 (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 27/4/2001 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*:

Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1954 (có mặt).

2. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1948 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN.

3. Ông Phan Văn P, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 9, thị trấnTP, huyện TP, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Nhựt T và Nguyễn Thị Bích N có quan hệ tình cảm với nhau. Sáng ngày 01/9/2017, giữa T và N xảy ra mâu thuẫn từ việc N đòi chia tay. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi uống rượu xong, T mang theo 01 dao Thái Lan dài 21cm (lưỡi dài 11cm, rộng 02 cm) đến Khu du lịch Suối Mơ (thuộc Ấp 6, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN) để tìm N. Khi đến nơi, T thấy N đi vào nhà vệ sinh nữ, T đi theo và đẩy N vào phía trong, N dùng tay đẩy T ra, T dùng tay trái nắm cổ áo, tay phải cầm dao đâm N, N đưa tay trái lên đỡ thì bị trúng vào tay trái và ngực trái gây thương tích. Sau đó, T đưa N đến Bệnh viện Đa khoa TP cấp cứu thì bị bắt giữ.

Về hậu quả: Chị Nguyễn Thị Bích N bị vết thương ngực trái kích thước 1,5 x 0,2 cm và vết thương mu bàn tay trái kích thước 01 x 0,2 cm. Kết luận giám định pháp y số 0703/GĐPY/2017 ngày 05/9/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh ĐN xác định chị Nguyễn Thị Bích N bị thương tích với tỷ lệ thương tật 02% tạm thời.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 dao Thái Lan dài cả cán 21cm (lưỡi dài 11cm, rộng 02 cm); 01 áo thun tay dài, sọc kẻ ngang trắng đen.

Quá trình điều tra, còn làm rõ được hành vi giao cấu với trẻ em của bị cáo, cụ thể như sau: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 11/02/2016, T điều khiển xe mô tô chở N đến nhà nghỉ sân vườn thuộc Ấp 5, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN, T cùng với N thuê phòng nghỉ số 6 rồi thực hiện hành vi giao cấu với nhau 01 lần. Thời gian sau đó, T và N nhiều lần qua hệ tình dục với nhau (07 lần), lần quan hệ cuối cùng là vào tháng 04/2017.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục của Trung tâm pháp y tỉnh ĐN số 0704/TD/2017 ngày 05/9/2017 đối với Nguyễn Thị Bích N, kết luận: Màng trinh hình chóp có lưỡi vị trí 06 giờ, đường kính lỗ trinh 1,2cm. Màng trinh không rách, bờ mép và chân màng trinh không phù nề, không xung huyết, không chảy máu.

Cáo trạng số 82/CT-VKS-HS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN truy tố bị cáo Lê Nhựt T về các tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội "Giao cấu với trẻ em" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cãi; bị cáo có nhân thân tốt, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Nhựt T phạm các tội "Cố ý gây thương tích" và "Giao cấu với trẻ em"; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm a khoản 2 Điều 115; Điều 41, Điều 42, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Nhựt T mức án: từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Giao cấu với trẻ em; 06 (Sáu) đến 08 (Tám) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Lê Nhựt T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Bích N theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 dao Thái Lan dài cả cán 21cm (lưỡi dài 11 cm, rộng 02 cm); 01 áo thun tay dài, sọc kẻ ngang trắng đen vì đây là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi cố ý gây thương tích và giao cấu với chị N. Về bồi thường thiệt hại bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị cáo có lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái và ăn năn hối cải, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sớm về với xã hội.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại vẫn giữ yêu cầu khởi tố bị cáo đối với hành vi Cố ý gây thương tích. Sau khi bị gây thương tích, bị hại đến Bệnh viện TP để khâu, rửa vết thương chứ không nằm viện. Thời gian bị hại điều trị tại nhà là 15 ngày. Tại phiên tòa, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí giám định; đối với các yêu cầu khác đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người giám định trình bày: Kết luận giám định số 0704/TD/2017 ngày 05/9/2017 đối với Nguyễn Thị Bích N được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

[2.1] Giữa bị cáo Lê Nhựt T và bị hại Nguyễn Thị Bích N có quan hệ tình cảm với nhau. Trong khoảng thời gian từ ngày 11/02/2016 đến tháng 04/2017, tại xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN bị cáo T và chị N đã nhiều lần quan hệ tình dục với nhau (07 lần). Mặc dù, các lần quan hệ tình dục này đều do chị N đồng ý, tự nguyện nhưng do tại thời điểm giao cấu, chị N ở độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi nên hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm tội "Giao cấu với trẻ em" với tình tiết định khung tăng nặng là "phạm tội nhiều lần", tội danh và hình phạt được quy định tại quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2.2] Mặt khác, do bị chị N từ chối tình cảm nên khoảng 16 giờ 00 phút ngày 01/9/2017 tại khu Du lịch suối Mơ, T có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm trúng vào tay trái và ngực trái của chị N gây thương tích với tỷ lệ 02% tạm thời. Hành vi bị cáo thực hiện đã phạm tội "Cố ý gây thương tích", tội danh và hình phạt được quy định tại quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Hành vi do bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự an toàn về tình dục, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý của trẻ em. Sau đó, để giải quyết mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên, bị cáo có hành vi cố ý gây thương tích, xâm phạm đến sức khỏe của chị N. Vì vậy, để giáo dục riêng đối với bị cáo, phòng ngừa chung trong xã hội, cần thiết áp dụng hình phạt tù, cần cách ly bị cáo một thời gian để bị cáo lao động, học tập trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

[5.1] Về bồi thường thiệt hại: Tại đơn yêu cầu bồi thường ngày 11/12/2017, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại kê khai và yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là: 35.600.000đ. Bao gồm: Chi phí chữa trị, đi lại, giám định thương tích: 5.100.000đ; thu nhập mất đi: 10.500.000đ; danh dự, tinh thần: 20.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị không yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí giám định. Các khoản còn lại, giữa bị hại và bị cáo không thỏa thuận được mức bồi thường và yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét, khoản chi phí cho việc điều trị (tiền xe, tiền thuốc, tiền may rửa vết thương) là 2.100.000đ, tuy không có hóa đơn chứng từ, nhưng đây là chi phí thực tế hợp lý nên được chấp nhận.

Đối với khoản tiền bù đắp về tinh thần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 9.250.000đ.

Tổng cộng, bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là 11.350.000đ (Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

[5.2] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 dao Thái Lan; 01 áo thun tay dài. Đây là công vụ phạm tội và vật chứng liên quan đến vụ án không còn giá trị sử dụng. Căn cứ khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy là đúng pháp luật.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Do xét xử bị cáo cùng một lần về nhiều tội, nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt đối với từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 104; điểm a khoản 2 Điều 115; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Nhựt T phạm các tội "Giao cấu với trẻ em" và "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Bị cáo Lê Nhựt T 03 (Ba) năm tù về tội "Giao cấu với trẻ em" và 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành án được tính từ ngày 01/9/2017.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 41, khoản 2 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; các Điều 584, 585, 590 và 592 Bộ luật Dân sự.

Buộc Lê Nhựt T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Bích N tổng số tiền là 11.350.000đ (Mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) dao Thái Lan, 01 (Một) áo thun tay dài đã được niêm phong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2018 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện TP và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP).

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Nhựt T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 567.000đ (Năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo; bị hại và người đại diện hợp pháp của cho người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện TP;
- Công an huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh ĐN;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Thạnh